TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 28/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Liên

- Bà Ngô Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thị L; Sinh ngày 18/3/1973 tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Số nhà 365 Lê Lợi, khu Phố 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Viết Yên (đã chết) và bà Trần Thị Mận (đã chết); Có chồng là Lê Văn Lý (đã ly hôn) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2023 đến ngày 05/01/2024 chuyển tạm giam; bị tạm giam từ ngày 05/01/2024 đến ngày 22/01/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh; hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 - Bà Trịnh Thị Hoa; Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh

Hóa (Vắng mặt).

2 - Chị Lê Thị Hồng; Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Xuân Lập, xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

3 - Chị Cầm Thị Khanh; Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

4 - Bà Hồ Thị Hương; Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

5 - Anh Trịnh Văn Hùng; Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

- Chị Lê Thị Hồng Nhung; Sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số nhà 55/32/12 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Nhuận, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Anh Lê Đức Anh; Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố Trung Thịnh, phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Bùi Thị L, sinh năm 1973, trú tại khu phố 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tại Cơ quan điều tra Bùi Thị L khai nhận từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023, L đã cho một số người dân trên địa bàn huyện Thường Xuân vay tiền, trong đó có 05 (năm) người vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 109.5%/năm đến 182.5%/năm), gồm: Trịnh Thị Hoa, sinh năm 1979, trú tại khu phố 3, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá; Lê Thị Hồng, sinh năm 1986, trú tại thôn Xuân Lập, xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá; Cầm Thị Khanh, sinh năm 1982, trú tại khu phố 2, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá; Hồ Thị Hương, sinh năm 1971, trú

tại khu phố 2, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá và Trịnh Văn Hùng, sinh năm 1982, trú tại thôn 8, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Các gói vay cụ thể như sau:

1. Gói vay của Chị Trịnh Thị Hoa, sinh năm 1979, trú tại khu phố 3, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá (thời gian từ ngày 20/8/2023 đến hết ngày 21/10/2023).

Từ tháng 06/2022 đến tháng 08/2023, chị Hoa nhiều lần vay tiền của L để tiêu sài và giải quyết công việc gia đình nhưng L không tính lãi do chị Hoa từng là hàng xóm, nhiều năm sinh sống cùng L tại khu phố 1. Đến ngày 20/8/2023, L và chị Hoa thống nhất chốt lại số tiền mà chị Hoa đang vay của L là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). L yêu cầu chị Hoa trả số tiền đang vay cho L để giải quyết công việc riêng nhưng do chị Hoa đang làm thủ tục vay tiền của ngân hàng, chưa có tiền trả cho L nên hai bên thống nhất tính lãi 3.000 đồng/triệu/ngày (*tương đương với 109,5%/năm vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (20%/năm) là 5,475 lần)* cho gói vay 90.000.000đ.

+ Ngày 21/9/2023, chị Hoa sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 3515205239270 của chị Hoa chuyển số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng TP Bank số 18373686868 của L để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 20/8/2023 đến hết ngày 19/9/2023.

+ Ngày 19/10/2023, chị Hoa tiếp tục chuyển số tiền 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng) cho L để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 20/9/2023 đến hết ngày 19/10/2023.

+ Ngày 21/10/2023, chị Hoa vay được tiền của ngân hàng nên đến nhà Bùi Thị L đưa trực tiếp cho L số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) để tất toán gói vay với Bùi Thị L. L cho chị Hoa hai ngày lãi từ ngày 20/10/2023 đến hết ngày 21/10/2023, thống nhất kết thúc gói vay vào ngày 21/10/2023.

Tổng số tiền lãi mà chị Hoa đã đóng cho L trong gói vay này là 16.100.000 đồng (mười sáu triệu một trăm nghìn đồng). Số tiền lãi L được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 3.106.849 đồng (ba triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), số tiền Bùi Thị L thu lời bất chính của chị Hoa là 12.993.151 (mười hai triệu chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi mốt đồng).

2. Gói vay của Chị Lê Thị Hồng, sinh năm 1986 ở thôn Xuân Lập, xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá (thời gian từ ngày 29/1/2022 đến hết ngày 09/7/2023).

Ngày 29/01/2022, chị Hồng đến nhà L để hỏi vay L số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thì L đồng ý. Hai bên thống nhất lãi suất của gói vay là 4.000 đồng/triệu/ngày *(tương đương với mức lãi suất 146%/năm vượt quá mức lãi*

suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (20%/năm) là 7,3 lần); mỗi kỳ lãi 10 ngày chị Hồng phải đóng cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi, khi nào chị Hồng trả hết toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho Bùi Thị L thì tính là kết thúc gói vay.

+ Ngày 09/2/2022, chị Hồng chuyển khoản ngân hàng đóng cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/1/2022 đến hết ngày 08/2/2022.

+ Ngày 19/2/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 09/2/2022 đến hết ngày 18/2/2022.

+Ngày 28/2/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/2/2022 đến hết ngày 28/2/2022.

+ Ngày 10/3/2022, chị Hồng chuyển cho L 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi, L cho chị Hồng khất nợ 600.000đ tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 28/02/2022 đến hết ngày 08/3/2022.

+ Ngày 21/3/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 09/3/2022 đến hết ngày 18/3/2022.

+ Ngày 04/4/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/3/2022 đến hết ngày 28/3/2022.

+ Ngày 28/4/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/3/2022 đến hết ngày 8/4/2022.

+ Ngày 09/5/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/4/2022 đến hết ngày 28/4/2022.

+ Ngày 08/6/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), L cho chị Hồng nợ 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/4/2022 đến hết ngày 18/5/2022.

+ Ngày 21/6/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), bao gồm 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/5/2022 đến hết ngày 8/6/2022 và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để trả nợ cho khoản tiền lãi 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) của kỳ lãi từ ngày 29/4/2022 đến hết ngày 18/5/2022 mà chị Hồng còn nợ L.

+ Ngày 01/7/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/6/2022 đến hết ngày 18/6/2022.

+ Ngày 12/7/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/6/2022 đến hết ngày 28/6/2022.

+ Ngày 28/7/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/6/2022 đến hết ngày 18/7/2022.

+ Ngày 16/8/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/7/2022 đến hết ngày 8/8/2022.

+ Ngày 5/9/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/8/2022 đến hết ngày 28/8/2022.

+ Ngày 19/9/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/8/2022 đến hết ngày 8/9/2022.

+ Ngày 29/9/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/9/2022 đến hết ngày 18/9/2022.

+ Ngày 6/10/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/9/2022 đến hết ngày 28/9/2022.

+ Ngày 24/10/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng), L cho chị Hồng nợ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/9/2022 đến hết ngày 18/10/2022.

+ Ngày 3/11/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/10/2022 đến hết ngày 28/10/2022.

+ Ngày 22/11/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), L cho chị Hồng nợ 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/10/2022 đến hết ngày 18/11/2022.

+ Ngày 5/12/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm 1.200.000đ tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/11/2022 đến hết ngày 28/11/2022 và 400.000đ để trả nợ cho khoản tiền lãi 400.000đ của kỳ lãi từ ngày 29/10/2022 đến hết ngày 18/11/2022 mà chị Hồng nợ L.

+ Ngày 28/12/2022, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/11/2022 đến hết ngày 8/12/2022.

+ Ngày 30/12/2022, chị Hồng chuyển cho L 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/12/2022 đến hết ngày 28/12/2022.

+ Ngày 9/1/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/12/2022 đến hết ngày 8/1/2023.

+ Ngày 27/1/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/1/2023 đến hết ngày 18/1/2023.

+ Ngày 2/2/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/1/2023 đến hết ngày 28/1/2023.

+ Ngày 9/2/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/1/2023 đến hết ngày 8/2/2023.

+ Ngày 20/2/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/2/2023 đến hết ngày 18/2/2023.

+ Ngày 1/3/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/2/2023 đến hết ngày 28/2/2023.

+ Ngày 13/3/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 28/2/2023 đến hết ngày 8/3/2023.

+ Ngày 21/3/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/3/2023 đến hết ngày 18/3/2023.

+ Ngày 5/4/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/3/2023 đến hết ngày 28/3/2023.

+ Ngày 10/4/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/3/2023 đến hết ngày 8/4/2023.

+ Ngày 19/4/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/4/2023 đến hết ngày 18/4/2023.

+ Ngày 04/5/2023, chị Hồng chuyển cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 19/4/2023 đến hết ngày 28/4/2023.

+ Ngày 12/5/2023, chị Hồng cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/4/2023 đến hết ngày 8/5/2023.

+ Ngày 25/5/2023, chị Hồng chuyển cho L 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 9/5/2023 đến hết ngày 28/5/2023.

+ Ngày 9/6/2023, chị Hồng cho L 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 29/5/2023 đến hết ngày 8/6/2023.

+ Ngày 09/7/2023, chị Hồng đến nhà L tại khu phố 1, thị trấn Thường Xuân, đưa trực tiếp cho L số tiền 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng) để trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền lãi cho L. L cho chị Hồng tổng số tiền lãi 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) bao gồm 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi chị Hồng nợ trong kỳ lãi từ ngày 28/2/2022 đến hết ngày 08/3/2022; 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền lãi chị Hồng nợ trong kỳ lãi từ ngày 29/4/2022 đến hết ngày 18/5/2022; 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lãi chị Hồng nợ trong kỳ lãi từ ngày 29/9/2022 đến hết ngày 18/10/2022 và 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi chị Hồng đóng thiếu trong kỳ lãi từ ngày 09/6/2023 đến ngày 09/7/2023. Sau khi chị Hồng đưa trực tiếp cho L 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng) thì hai bên thống nhất kết thúc gói vay.

Quá trình vay tiền của Bùi Thị L, chị Hồng sử dụng duy nhất 01 (một) tài khoản ngân hàng Agribank số "3515215010403" của chị Hồng chuyển tiền đến tài

khoản ngân hàng Agribank số: "3515205078684" của Lê Thị Hồng Nhung để đóng lãi cho Bùi Thị L.

Tổng số tiền lãi mà chị Hồng đóng cho L trong gói vay này là 58.700.000 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng). Số tiền lãi L được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 8.663.014 đồng (tám triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), số tiền L thu lời bất chính của chị Hồng là 50.036.986 (năm mươi triệu không trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

3. Các gói vay của chị Cầm Thị Khanh, sinh năm 1982, trú tại khu phố 2, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá (02 gói vay)

** Gói vay thứ nhất (từ ngày 04/2/2023 đến hết ngày 13/2/2023):*

Ngày 04/2/2023, chị Khanh đến nhà L hỏi vay L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để giải quyết công việc gia đình. Biết chị Khanh là Y tá của Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân, sinh sống ổn định tại địa phương nên L đồng ý cho chị Khanh vay 20.000.000đ với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày *(tương đương 182,5%/năm vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (20%/năm) là 9,125 lần).* L yêu cầu chị Khanh mỗi tháng phải đóng lãi cho L vào ngày 14 (dương lịch), số tiền lãi của mỗi tháng sẽ phụ thuộc vào số ngày trong tháng (tức là tính lãi đến từng ngày chứ không tính trung bình mỗi tháng là 30 ngày).

+ Ngày 14/2/2023, chị Khanh đến nhà L và đưa trực tiếp cho L số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để đóng lãi cho L trong kỳ lãi từ ngày 04/2/2023 đến hết ngày 13/4/2023. Sau đó chị Khanh tiếp tục hỏi vay L thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thì L đồng ý và đưa tiền trực tiếp cho chị Khanh 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). L và chị Khanh thống nhất kết thúc gói vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để gộp thành một gói vay mới 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất vẫn giữ mức 5.000 đồng/triệu/ngày, bắt đầu tính lãi từ ngày 14/2/2023.

Tổng số tiền lãi mà chị Khanh đóng cho L trong gói vay này là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Số tiền lãi L được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 109.589 đồng (một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), số tiền L thu lời bất chính của chị Khanh trong gói vay này là 890.411 đồng (tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

** Gói vay thứ hai (từ ngày 14/2/2023 đến hết ngày 27/10/2023)*

+ Ngày 14/3/2023, chị Khanh đưa trực tiếp cho L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để đóng tiền lãi cho L. Do khoảng thời gian từ ngày 14/2/2023 đến ngày 14/3/2023 dài 29 ngày nên chị Khanh phải đóng lãi cho L số tiền lãi 4.350.000 đồng (bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). L cho chị Khanh nợ 2.350.000

đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi đến kỳ đóng lãi sau sẽ đóng bù cho L.

+ Ngày 14/4/2023, chị Khanh chuyển 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) qua tài khoản ngân hàng để đóng lãi cho L. Do khoảng thời gian từ ngày 15/3/2022 đến hết ngày 14/4/2023 dài 31 ngày nên chị Khanh phải đóng cho L số tiền lãi 4.650.000 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) còn thừa trừ vào số tiền 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi chị Khanh còn nợ ở lần đóng lãi trước. Đến ngày 14/4/2023, chị Khanh còn nợ L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền lãi.

+ Ngày 22/5/2023, chị Khanh chuyển cho L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để đóng lãi của kỳ từ ngày 15/4/2023 đến hết ngày 14/5/2023. Do khoảng thời gian từ ngày 15/4/2023 đến hết ngày 14/5/2023 dài 30 ngày (ba mươi ngày) nên chị Khanh phải đóng cho L số tiền lãi 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) còn thừa trừ vào khoản nợ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền lãi chị Khanh còn nợ L. Đến ngày 14/5/2023, chị Khanh còn nợ L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi.

+ Ngày 26/6/2023, chị Khanh chuyển cho L 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để đóng lãi của kỳ lãi từ ngày 15/5/2023 đến hết ngày 14/6/2023. Do khoảng thời gian từ ngày 15/5/2023 đến hết ngày 14/6/2023 dài 31 ngày nên chị Khanh phải đóng cho L số tiền lãi 4.650.000 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đến hết ngày 14/6/2023, chị Khanh còn nợ L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

+ Ngày 26/7/2023, chị Khanh đưa trực tiếp cho L 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Do khoảng thời gian từ ngày 15/6/2023 đến hết ngày 14/7/2023 dài 30 ngày nên chị Khanh phải đóng cho L số tiền lãi là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tính đến hết ngày 14/7/2023, chị Khanh còn nợ L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 3.650.000 đồng (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

+ Ngày 18/8/2023, chị Khanh chuyển cho L 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để đóng lãi của kỳ từ ngày 15/7/2023 đến hết ngày 14/8/2023. Do khoảng thời gian từ ngày 15/7/2023 đến hết ngày 14/8/2023 dài 31 ngày nên chị Khanh phải đóng cho L số tiền lãi 4.650.000 đồng (bố triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, tính đến hết ngày 14/8/2023, chị Khanh còn nợ L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền lãi.

+ Ngày 14/9/2023, chị Khanh chuyển cho L 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) để đóng lãi của kỳ từ ngày 15/8/2023 đến hết ngày 14/9/2023. Do khoảng thời gian từ ngày 15/8/2023 đến hết ngày 14/9/2023 dài 31 nên chị Khanh phải đóng cho L số tiền lãi là 4.650.000 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền lãi còn thừa là 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) của kỳ đóng lãi này trừ vào khoản nợ lãi cũ 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Đến hết ngày 14/9/2023, chị Khanh còn nợ L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

+ Ngày 14/10/2023, chị Khanh chuyển cho L 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để đóng lãi của kỳ từ ngày 15/9/2023 đến hết ngày 14/10/2023. Do khoảng thời gian từ ngày 15/9/2023 đến hết ngày 14/10/2023 dài 30 ngày nên chị Khanh phải đóng cho L số tiền lãi là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi còn thiếu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) của kỳ đóng lãi này cộng thêm vào khoản nợ lãi cũ 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Đến hết ngày 14/10/2023, chị Khanh còn nợ L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.650.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi.

+ Ngày 27/10/2023, chị Khanh chuyển cho L 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) để trả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền gốc và đóng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền lãi. Tính tổng số tiền lãi mà chị Khanh phải đóng cho L trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/2023 đến hết ngày 27/10/2023 với số tiền lãi 2.650.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) mà chị Khanh còn nợ L sau kỳ đóng lãi trước bằng 4.600.000 đồng tiền lãi (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Tuy nhiên L bớt cho chị Khanh 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi nên sau khi chị Khanh chuyển khoản số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) cho L vào ngày 27/10/2023 thì gói vay được hai bên thống nhất là kết thúc.

Tổng số tiền lãi mà chị Khanh đã đóng cho L trong gói vay này là 37.800.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền lãi Bùi Thị L được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 4.208.219 (bốn triệu hai trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín đồng), số tiền Bùi Thị L thu lời bất chính của chị Khanh là 33.591.781 (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng).

Quá trình vay tiền của L, ngoài những lần đưa tiền trực tiếp để đóng tiền lãi và trả tiền gốc cho L thì chị Khanh sử dụng duy nhất một tài khoản ngân hàng Agribank số 3515205049561 của chị Khanh chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng TP Bank số 18373686868 của L để đóng tiền lãi cho L.

4. Các gói vay của Chị Hồ Thị Hương, sinh năm 1971, trú tại khu phố 2, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá (02 gói vay)

** Gói vay thứ nhất (từ ngày 18/8/2023 đến hết ngày 16/10/2023)*

- Ngày 18/8/2023 chị Hương gọi điện cho L để hỏi vay L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) thì L đồng ý và bảo chị Hương đến nhà L để nói chuyện. Sau khi thống nhất với chị Hương mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày (*tương đương với 109,5%/năm vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (20%/năm) là 5,475 lần)* cho gói vay 20.000.000đ, L đưa trực tiếp cho chị Hương số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). L yêu cầu chị Hương phải đóng lãi cho L vào ngày mùng 3 âm lịch hàng tháng, mỗi tháng đóng 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Ngày 17/9/2023 chị Hương đóng trực tiếp cho L 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 03/7/2023 đến hết ngày 02/8/2023 (âm lịch).

+ Ngày 17/10/2023, chị Hương đóng trực tiếp cho L 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 03/8/2023 đến hết ngày 02/9/2023 (âm lịch). Sau đó chị Hương tiếp tục hỏi vay thêm của L 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nữa thì L đồng ý rồi đưa tiền trực tiếp cho chị Hương. L và chị Hương thống nhất kết thúc gói vay 20.000.000đ để gộp thành gói vay mới 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi suất vẫn giữ nguyên mức 3.000 đồng/triệu/ngày, bắt đầu tính lãi từ ngày 17/10/2023.

Tổng số tiền lãi mà chị Hương đã đóng cho L trong gói vay này là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền lãi L được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 657.534 (sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng), số tiền L thu lời bất chính của chị Hương trong gói vay này là 2.942.466 (hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

** Gói vay thứ hai (từ ngày 17/10/2023 đến ngày 27/12/2023)*

+ Ngày 15/11/2023 chị Hương đóng trực tiếp cho L 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 03/9/2023 đến hết ngày 02/10/2023 (âm lịch).

+ Ngày 15/12/2023 (dương lịch), chị Hương đóng trực tiếp cho L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền lãi, L cho chị Hương nợ 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 03/10/2023 đến hết ngày 02/11/2023 (âm lịch).

+ Ngày 26/12/2023 chị Hương đóng trực tiếp cho L 3.040.000 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), bao gồm 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi mà chị Hương đang nợ của L trong kỳ đóng lãi trước đó

và 1.440.000 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền lãi của kỳ lãi từ ngày 3/11/2023 (âm lịch) đến hết ngày 26/11/2023 (âm lịch).

Đến ngày 27/12/2023 L bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân tạm giữ để điều tra hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì chị Hương vẫn đang nợ L 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền gốc.

Tổng số tiền lãi mà chị Hương đã đóng L trong gói vay này là 8.640.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền lãi L được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 1.578.082 (một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng), số tiền Bùi Thị L thu lời bất chính của chị Hương trong gói vay này là 7.061.918 (bảy triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng).

5. Anh Trịnh Văn Hùng, sinh năm 1982, trú tại thôn 8, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá:

Ngày 10/3/2023, anh Hùng đến nhà L để hỏi vay L số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Biết anh Hùng là phụ xe của nhà xe Hiền L, có thu nhập hàng tháng ổn định nên L đồng ý cho anh Hùng vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thoả thuận lãi suất của gói vay là 3.000 đồng/triệu/ngày *(tương đương với 109,5%/năm vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (20%/năm) là 5,475 lần)*, mỗi kỳ lãi 30 ngày, anh Hùng phải đóng cho L 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi.

+ Ngày 10/4/2023, anh Hùng chuyển cho L số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 10/3/2023 đến hết ngày 08/4/2023.

+ Ngày 09/5/2023, anh Hùng chuyển cho L số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 09/4/2023 đến hết ngày 08/5/2023.

+ Ngày 07/6/2023, anh Hùng chuyển cho L số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 09/5/2023 đến hết ngày 07/6/2023.

+ Ngày 07/7/2023, anh Hùng chuyển cho L số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 08/6/2023 đến hết ngày 07/7/2023.

+ Ngày 07/8/2023, anh Hùng chuyển cho L số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 08/7/2023 đến hết ngày 06/8/2023.

+ Ngày 05/9/2023, anh Hùng chuyển cho L số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để đóng lãi trong kỳ lãi từ ngày 07/8/2023 đến hết

ngày 05/9/2023. Sau đó, anh Hùng đến nhà L gặp và đưa trực tiếp cho L số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để trả tiền gốc, đồng thời kết thúc gói vay vào ngày 05/9/2023.

Tổng số tiền lãi mà anh Hùng đã đóng cho L trong gói vay này là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền lãi L được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 2.958.904 (hai triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm linh bốn đồng), số tiền L thu lời bất chính của anh Hùng là 13.241.096 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Quá trình vay tiền của L, anh Hùng sử dụng duy nhất một tài khoản ngân hàng MB Bank số 0811198256789 của anh Hùng chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng TPBank số 18373686868 của L để đóng tiền lãi cho L. Tổng số tiền lãi mà anh Hùng đã đóng cho L trong gói vay này là 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Như vậy, Bùi Thị L đã cho 05 người vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1, Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền bị can đã thu lời bất chính của năm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là 120.757.808 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

Tổng số tiền gốc Bùi Thị L cho 05 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên vay là: 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên, thực tế trong quá trình L cho chị Khanh và chị Hương vay tiền, do mỗi người chị Khanh và chị Hương đều có một lần vay thêm tiền gốc dẫn đến việc hai bên thống nhất cộng gộp số tiền vay thêm vào số tiền gốc đang vay, hình thành gói vay mới. Do đó, số tiền gốc thực tế mà bị can L cho chị Khanh vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); số tiền gốc thực tế mà bị can L cho chị Hương vay là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Mặt khác, gói vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) của chị Hồng kết thúc vào ngày 10/7/2023 nên bị cáo L đã sử dụng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) này để cho chị Hoa vay vào ngày 20/8/2023; Gói vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) của anh Hùng kết thúc vào ngày 05/9/2023 nên bị cáo L đã sử dụng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) này để tiếp tục cho chị Hương vay vào ngày 17/10/2023.

Như vậy, tổng số tiền gốc thực tế Bùi Th ị L sử dụng vào mục đích cho vay là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu là 142.040.000 đồng (một trăm bốn hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền lãi bị can được thu tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 21.282.192 đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng). Tổng số tiền bị can đã thu lời bất chính của năm người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan đến vụ án nêu trên là 120.757.808 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

Ngày 22/01/2024, L đã nhờ anh Lê Đức Anh là con ruột của bị cáo giao nộp số tiền 120.757.000 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng) để giúp bị cáo khắc phục số tiền đã thu lời bất chính của chị Hồng, chị Hoa, chị Khanh, chị Hương và anh Hùng. Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc và trả lại toàn bộ số tiền 120.757.000 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng) nêu trên cho chị Hồng, chị Hoa, chị Khanh, chị Hương và anh Hùng.

- *Về vật chứng của vụ án:*

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT giữ những tài sản, đồ vật, tài liệu sau:

** Thu giữ của Bùi Thị L*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A57, mặt lưng màu xanh, Model: CPH2407; imei 1: 869945064047075; imei 2: 869945064047067, bên trong có gắn sim điện thoại của thuê bao di động số 0913320723 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số imei 1: 355406840311930, số imei 2: 355406840811939, bên trong có gắn 02 sim điện thoại của thuê bao di động số 0834185148 và 0936886039;

- 01 (một) giấy vay tiền của Đoàn Thị Thu, 01 (một) giấy vay tiền của Đỗ Ngọc Kiên và 07 (bảy) giấy vay của Lê Hồng Đức;

- 01 (một) giấy vay tiền của Phạm Huyền Trang;

- 91.000.000 đồng, tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

** Thu giữ tại nhà Lê Đức Anh*

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu ghi xanh, số IMEI: 353287219796899, số IMEI 2: 353287219868052, bên trong có gắn sim điện thoại của thuê bao di động 0982297506. Điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, số IMEI: 356266760620390, số IMEI 2: 356266760623493, bên trong có gắn sim điện thoại của thuê bao di động số 0988590578. Điện thoại đã qua sử dụng.

- 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành;

- 06 (sáu) giấy vay tiền gồm: 03 (ba) giấy vay tiền của chị Trịnh Thị Hoa, 01 (một) giấy vay tiền của chị Cầm Thị Khanh, 01 (một) giấy vay tiền của anh Nguyễn Tăng Hưng và 01 (một) giấy vay tiền của anh Lê Hồng Dũng.

- 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, trên dây có 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn và mặt dây chuyền kim loại màu vàng hình tròn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Thị L đã trả lại toàn bộ số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKSTX ngày 20/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Bùi Thị L về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát huyện Thường Xuân giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị L phạm tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân". Áp dụng: khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với các máy điện thoại sử dụng vào việc phạm tội; Tịch thu tiêu hủy các sim số điện thoại di động sử dụng vào việc phạm tội; Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền gốc dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng không có ý kiến gì về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp

pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc, lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa. Bị cáo thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan, sai. Như vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023, Bùi Thị L đã cho 05 (năm) người dân trên địa bàn huyện Thường Xuân và huyện Thọ Xuân vay tiền, tổng cộng 07 gói vay, với mức lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày đến 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 109.5%/năm đến 182.5%/năm) vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền gốc L sử dụng vào mục đích cho vay là 170.000.000 đồng *(một trăm bảy mươi triệu đồng)*, tổng số tiền lãi đã thu là 142.040.000 đồng *(một trăm bốn hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)*, số tiền lãi bị can được thu tối đa theo quy định của bộ luật dân sự là 21.282.192đ (*hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng)*. Tổng số tiền bị can đã thu lời bất chính là 120.757.808đ *(một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng)*. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi xuất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là vi phạm, nhưng vì mục đích tư lợi nên bi cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã

đến cơ quan Công an đầu thú; UBND nơi bị cáo cư trú xác nhận bị cáo là công dân chấp hành tốt các quy định tại địa phương, có tham gia các phong trào và đóng góp ủng hộ các quỹ do địa phương phát động, nên bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mặt khác bị cáo không có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo để ấn định thời gian thử thách đồng thời giao bị cáo cho UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cho bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung; Như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa, vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã có ý kiến bằng văn bản và đã được nhận lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên không có ý kiến yêu cầu gì thêm, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với khoản tiền gốc 170.000.000đ *(một trăm bảy mươi triệu đồng)* bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước (trong đó có 40.000.000đ *(bốn mươi triệu đồng)* của gói vay với chị Hồ Thị Hương chưa tất toán).

- Đối với số tiền 21.282.192 *(hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng)* là số tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 120.757.000 đồng *(một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* mà Bùi Thị L nhờ Lê Đức Anh giao nộp giúp bị can khắc phục số tiền đã thu lời bất chính trong vụ án. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân đã tiến hành làm việc và trả lại toàn bộ số tiền này cho những người

có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án là chị Lê Thị Hồng, chị Trịnh Thị Hoa, chị Cầm Thị Khanh, chị Hồ Thị Hương và anh Trịnh Văn Hùng;

- Đối với 02 (hai) điện thoại di động của Bùi Thị L, gồm 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Oppo A57, mặt lưng màu xanh, Model: CPH2407; imei 1: 869945064047075; imei 2: 869945064047067 và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số imei 1: 355406840311930, số imei 2: 355406840811939, của Bùi Thị L. Quá trình điều tra xác định có liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 03 (ba) thẻ sim gắn bên trong điện thoại thu giữ của Bùi Thị L số 0913320723, 0834185148 và số 0936886039 liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 (hai) điện thoại di động bao gồm 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 13 Promax của Lê Đức Anh và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 14 Promax của Vũ Thị Hoài, quá trình kiểm tra không phát hiện nội dung liên quan đến hành vi phạm tội của Bùi Thị L nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp;

- Đối với số tiền 91.000.000 đồng, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành mà Cơ quan CSĐT tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở và vùng phụ cận của bị cáo, quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT xác định số tiền nêu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng cần thu giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với tài sản 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)* và 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng hình tròn và mặt dây chuyền kim loại màu vàng hình tròn mà Cơ quan CSĐT tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở và vùng phụ cận của Lê Đức Anh và Vũ Thị Hoài, quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT xác định số ttài sản nêu trên không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc và trả lại vợ chồng Vũ Thị Hoài - Lê Đức Anh là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với các giấy vay tiền của chị Phạm Huyền Trang, anh Đỗ Ngọc Kiên, chị Đoàn Thị Thu và anh Lê Hồng Đức. Xác định không liên quan tới hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Các tình tiết khác trong vụ án:

- Hành vi cho vay tiền với mức lãi suất 20.04%/năm của Bùi Thị L đối với chị Đoàn Thị Thu không đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên hành vi nêu trên của Bùi Thị L đã phạm vào điểm đ khoản 4 Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Lê Thị Hồng Nhung, sinh năm 2000, trú tại Số 55/32/13 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Nhuận, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, là người sử dụng tài khoản ngân hàng giúp bị cáo nhận tiền đóng lãi của chị Lê Thị Hồng. Tuy biết đây là tiền mà chị Hồng trả nợ cho Bùi Thị L nhưng Lê Thị Hồng Nhung không biết cụ thể những khoản tiền này là tiền chị Lê Thị Hồng trả gốc hay đóng lãi, đồng thời Nhung cũng không biết lãi suất của gói vay, không được hưởng bất kỳ lợi ích nào từ khoản tiền thu lợi bất chính của Bùi Thị L. Do đó, Lê Thị Hồng Nhung không đồng phạm với Bùi Thị L về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.

- Đối với Vũ Thị Hoài đã có hành vi cho anh Nguyễn Tăng Hưng và anh Lê Hồng Dũng vay tiền với mức lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày từ tháng 01/2022 đến nay, không đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên hành vi nêu trên của Vũ Thị Hoài đã phạm vào điểm đ khoản 4 Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Lê Đức Anh, quá trình điều tra xác định Đức Anh chỉ giữ hộ các giấy vay tiền của Bùi Thị L, không biết lãi suất bà L cho vay là bao nhiêu, không được hưởng lợi gì từ việc cho của bà L, do đó không đồng phạm với Bùi Thị L về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bên cạnh đó, việc Vũ Thị Hoài (vợ của Đức Anh) cho những người khác vay tiền, Đức Anh không biết về lãi suất, do đó không có căn cứ để xử phạt hành chính đối với Đức Anh.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Điều 46, 47, 48 của Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 và các Điều 106, 136, 292, 293, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị L phạm tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Bùi Thị L 09 (chín) tháng tù cho

hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Bùi Thị L số tiền: 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)* nộp ngân sách Nhà nước.

- Về biện pháp ngăn chặn: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Bùi Thị L theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 09/2024/LCCT-TA, ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đang áp dụng đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

+ Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Bùi Thị L: Số tiền gốc là 130.000.000đ; Số tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 21.282.000đ. Tổng là: 151.282.000đ, số tiền này được trừ vào số tiền 91.000.000đ thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, theo đó số tiền còn phải truy thu đối với bị cáo là: 60.282.000đ *(Sáu mươi triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng).*

+ Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hương: Số tiền gốc là 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng).*

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 02 (hai) điện thoại di động của Bùi Thị L, gồm 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A57, mặt lưng màu xanh, Model: CPH2407; imei 1: 869945064047075; imei 2: 869945064047067 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số imei 1: 355406840311930, số imei 2: 355406840811939.

+ Tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) thẻ sim gắn bên trong điện thoại thu giữ của Bùi Thị L số 0913320723, 0834185148 và số 0936886039.

(Tình trạng vật chứng được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân).

+ Trả lại cho bị cáo các giấy vay tiền của chị Phạm Huyền Trang, anh Đỗ Ngọc Kiên, chị Đoàn Thị Thu và anh Lê Hồng Đức.

- Về án phí: Bị cáo Bùi Thị L phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bi cáo, người có LQNVLQ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Thường Xuân;
- Cơ quan THAHS;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- UBND thị trấn Thường Xuân;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long